SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH **BỆNH VIỆN MẮT**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1491 /BVM-KD	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 7 năm 2025*

YÊU CẦU MỜI CHÀO GIÁ

Áp dụng đối với nhu cầu mua thuốc năm 2025-2026 đối với các gói thầu riêng lẻ tại Bệnh viện Mắt

Kính gửi: Quý công ty.

Bệnh viện Mắt có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu mua thuốc năm 2025-2026 đối với các gói thầu riêng lẻ tại Bệnh viện Mắt với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu chào giá

1. Đơn vị yêu cầu mời chào giá: **Bệnh viện Mắt**

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận mời chào giá:

Họ tên : Lê Thị Khánh Châu

Chức vụ : Trưởng khoa Dược

Số điện thoại : (028).39321535 - 1248

Địa chỉ email : duocbvm02@gmail.com

3. Cách thức tiếp nhận tài liệu mời chào giá: Nhận trực tiếp tại địa chỉ: Bệnh viện Mắt – Địa chỉ: 280 Điện Biên Phủ, Phường Xuân Hòa, Tp.HCM ***(Bệnh viện chỉ tiếp nhận hồ sơ của các Công ty theo đường văn thư Bệnh viện).*** Bản excel gửi qua email duocbvm02@gmail.com.

4. Thời hạn tiếp nhận mời chào giá: tối thiểu 10 ngày theo thông báo đăng tải trên trang Web Bệnh viện Mắt. Thời hạn hiệu lực nhận tài liệu chào giá theo ngày trên dấu công văn đến của Bệnh viện. Các tài liệu có ngày tiếp nhận sau thời điểm tờ trình xây dựng giá dự toán được phê duyệt sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của tài liệu báo giá: Tối thiểu 180 ngày, cụ thể theo thông báo được đăng tải.

II. Danh mục yêu cầu mời chào giá: *(đính kèm Phụ lục)*

Bệnh viện Mắt kính mời các công ty, các đơn vị quan tâm tham dự **báo giá theo mẫu đính kèm** các mặt hàng thuốc theo hướng dẫn (*quét QR-code bên dưới để nhận các thông tin chi tiết*)./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VT, KD (LLTN_2b).

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH BỆNH VIỆN MẮT

Lê Anh Tuấn

SỞ Y TẾ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BỆNH VIỆN MẮT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Phụ lục

DANH MỤC THUỐC BÁO GIÁ GÓI THẦU MUA THUỐC NĂM 2025-2026 ĐỐI VỚI CÁC GÓI THẦU RIÊNG LẺ

(Đính kèm Công văn số 1191/BVM-KD ngày 31 tháng 7 năm 2025 của Bệnh viện Mắt)

STT	Tên thuốc (dự kiến)	Tên Hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng - Dạng trình bày	Dạng bào chế	Đường dùng	Đơn vị tính	Nhóm TCKT
1	Bridion hoặc tương đương	Sugammadex (dưới dạng sugammadex natri)	100mg/ml; 2ml	Dung dịch tiêm tĩnh mạch	Tiêm	Lọ	BDG
2	Ventolin Inhaler hoặc tương đương	Salbutamol (dưới dạng Salbutamol sulfate)	100mcg/ liều xịt; 200 liều	Hỗn dịch xịt qua bình định liều điều áp	Hô Hấp	Bình xịt	BDG
3	Rupafin hoặc tương đương	Rupatadin	10mg	Viên	Uống	Viên	BDG
4	Tobradex hoặc tương đương	Tobramycin + dexamethason	3mg/ml + 1mg/ml	Hỗn dịch nhỏ mắt	Nhỏ mắt	Lọ	BDG
5	Tobradex oint hoặc tương đương	Tobramycin + dexamethason	Mỗi gram chứa: Tobramycin 3mg; Dexamethasone 1mg; 3,5g	Thuốc tra mắt	Nhỏ mắt	Tuýp	BDG
6	Flumetholon 0,02% hoặc tương đương	Fluorometholon	0,2mg/ml	Hỗn dịch nhỏ mắt	Nhỏ mắt	Lọ	BDG
7	Flumetholon 0,1% hoặc tương đương	Fluorometholon	0,1%; 5ml	Hỗn dịch nhỏ mắt	Nhỏ mắt	Lọ	BDG
8	Lotemax hoặc tương đương	Loteprednol etabonat	0,5% (5mg/ml)	Hỗn dịch nhỏ mắt	Nhỏ mắt	Lọ	BDG
9	Solu-Medrol 40 hoặc tương đương	Methylprednisolon (dưới dạng Methylprednisolon natri succinat)	40mg, Lọ Act-O-Vial 1ml	Bột đông khô pha tiêm	Tiêm	Lọ	BDG
10	Medrol 16 hoặc tương đương	Methyl prednisolon	16mg	Viên	Uống	Viên	BDG
11	Medrol 4 hoặc tương đương	Methyl prednisolon	4mg	Viên	Uống	Viên	BDG
12	Solu-Medrol 125 hoặc tương đương	Methylprednisolone hemisuccinat	125mg Methylprednisolone, Lọ Act-O-Vial 2 ml	Bột đông khô pha tiêm	Tiêm	Lọ	BDG
13	Solu-Medrol 500 hoặc tương đương	Methylprednisolon (dưới dạng Methylprednisolon natri succinat)	500mg	Bột đông khô pha tiêm	Tiêm	Lọ	BDG
14	Avastin hoặc tương đương	Bevacizumab	100mg/4ml; 4ml	Dung dịch đậm đặc để pha dung dịch tiêm truyền	Tiêm	Lọ	BDG
15	Eylea hoặc tương đương	Aflibercept	40mg/ml, Chai/lọ chứa 278µl dung dịch tiêm	Thuốc tiêm nhãn cầu	Tiêm	Lọ	BDG
16	Lucentis hoặc tương đương	Ranibizumab	1,65mg/0,165ml	Dung dịch tiêm	Tiêm	Bơm tiêm	BDG
17	Lucentis hoặc tương đương	Ranibizumab	2,3mg/0,23ml	Dung dịch tiêm	Tiêm	Lọ	BDG

STT	Tên thuốc (dự kiến)	Tên Hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng - Dạng trình bày	Dạng bào chế	Đường dùng	Đơn vị tính	Nhóm TCKT
18	Sevorane hoặc tương đương	Sevofluran	100% w/w; 250ml	Dược chất lỏng nguyên chất dùng để hít	Đường hô hấp	Chai	BDG
19	Cravit 0,5% hoặc tương đương	Levofloxacin hydrat	5mg/ml; 5ml	Dung dịch nhỏ mắt	Nhỏ mắt	Lọ	BDG
20	Cravit 1,5% hoặc tương đương	Levofloxacin hydrat	15mg/ml	Dung dịch nhỏ mắt	Nhỏ mắt	Lọ	BDG
21	Oflovid hoặc tương đương	Ofloxacine	15mg/5ml	Dung dịch nhỏ mắt	Nhỏ mắt	Lọ	BDG
22	Oflovid oint 3,5g hoặc tương đương	Ofloxacin	0,3%; 3,5g	Thuốc tra mắt	Nhỏ mắt	Tuýp	BDG
23	Vigamox 0,5% hoặc tương đương	Moxifloxacin HCl	25mg; 5ml	Dung dịch nhỏ mắt	Nhỏ mắt	Lọ	BDG
24	Tobrex hoặc tương đương	Tobramycin	3mg/ml	Dung dịch nhỏ mắt	Nhỏ mắt	Lọ	BDG
25	Augmentin 1g hoặc tương đương	Amoxicillin(dưới dạng Amoxicillin trihydrate). Acid clavulanic (dưới dạng Clavulanat potassium)	Amoxicillin 875mg/Acid clavulanic 125mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	BDG
26	Augmentin 250mg/31,25mg hoặc tương đương	Amoxicilin (dạng Amoxicillin trihydrate); Acid clavulanic (dạng Kali clavulanate)	250mg+31,25mg	Bột pha hỗn dịch uống	Uống	Gói	BDG
27	Augmentin 500mg/62,5mg hoặc tương đương	Amoxicillin(dưới dạng Amoxicillin trihydrate). Acid clavulanic (dưới dạng Kali clavulanate)	Amoxicillin 500mg/Acid clavulanic 62,5mg	Bột pha hỗn dịch uống	Uống	Gói	BDG
28	Alegysal hoặc tương đương	Pemirolast Kali	1mg/ml	Dung dịch nhỏ mắt	Nhỏ mắt	Lọ	BDG
29	Bronuck hoặc tương đương	Bromfenac sodium hydrate (Bromfenac natri hydrat)	1mg/ml	Dung dịch nhỏ mắt	Nhỏ mắt	Lọ	BDG
30	Diquas 3% hoặc tương đương	Natri diquafosol	30mg/ml	Dung dịch nhỏ mắt	Nhỏ mắt	Lọ	BDG
31	Nevanac hoặc tương đương	Nepafenac	1mg/ml; 5ml	Hỗn dịch nhỏ mắt	Nhỏ mắt	Lọ	BDG
32	Pataday hoặc tương đương	Olopatadin hydrochlorid	0,2%; 2,5ml	Dung dịch nhỏ mắt	Nhỏ mắt	Chai	BDG
33	Restasis hoặc tương đương	Cyclosporin	0,05% (0,5mg/g); 0,4ml	Nhũ tương nhỏ mắt	Nhỏ mắt	Ống	BDG
34	Azopt 1% hoặc tương đương	Brinzolamid	10mg/ml; 5ml	Hỗn dịch nhỏ mắt	Nhỏ mắt	Lọ	BDG
35	Combigan hoặc tương đương	Brimonidine tartrate, Timolol maleat	Mỗi ml chứa: Brimonidine tartrat 2mg; Timolol 5mg	Dung dịch nhỏ mắt	Nhỏ mắt	Lọ	BDG
36	Ganfort hoặc tương đương	Bimatoprost; Timolol (dưới dạng Timololmaleat 6,8mg)	0,3mg/ml; 5mg/ml	Dung dịch nhỏ mắt	Nhỏ mắt	Lọ	BDG
37	Lumigan 0,01% hoặc tương đương	Bimatoprost	0,3mg/3ml	Dung dịch nhỏ mắt	Nhỏ mắt	Lọ	BDG
38	Taflotan 0,0015% hoặc tương đương	Tafluprost	0,015mg/ml; 2,5ml	Dung dịch nhỏ mắt	Nhỏ mắt	Lọ	BDG
39	Taflotan-S 0,0015% hoặc tương đương	Tafluprost	4,5mcg/0,3ml	Dung dịch nhỏ mắt	Nhỏ mắt	Lọ	BDG
40	Travatan hoặc tương đương	Travoprost	0,04mg/ml; 2,5ml	Dung dịch nhỏ mắt	Nhỏ mắt	Lọ	BDG

STT	Tên thuốc (dự kiến)	Tên Hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng - Dạng trình bày	Dạng bào chế	Đường dùng	Đơn vị tính	Nhóm TCKT
41	Concor 5 hoặc tương đương	Bisoprolol fumarate	5mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	BDG
42	Sanlein 0.3 hoặc tương đương	Natri hyaluronat	15mg/5ml	Dung dịch nhỏ mắt	Nhỏ mắt	Lọ	BDG
43	Cebrex hoặc tương đương	Ginkgo Biloba extract	40mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	BDG
44	Tebonin hoặc tương đương	Cao khô từ lá Ginkgo biloba	120mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	BDG
45	Sanlein Mini 0.3 hoặc tương đương	Natri hyaluronat	1,2mg/0,4ml	Dung dịch nhỏ mắt	Nhỏ mắt	Lọ	BDG
46		Atropin sulfat	0,25mg/1ml; 1ml	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Tiêm	Chai/lọ/ống	Nhóm 4
47		Naloxon hydroclorid	0,4mg/ml; 1ml	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Tiêm	Chai/lọ/ống	Nhóm 4
48		Ethamsylat	250mg; 2ml	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Tiêm	Chai/lọ/ống	Nhóm 4
49		Calci clorid	10%; 5ml	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Tiêm	Chai/lọ/ống	Nhóm 4
50		Diphenhydramin hydroclorid	10mg	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Tiêm	Chai/lọ/ống	Nhóm 4
51		Nicardipin hydroclorid	10mg	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Tiêm	Chai/lọ/ống	Nhóm 1
52		Nor-epinephrin (Nor-adrenalin)	4mg/4ml; 4ml	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Tiêm	Chai/lọ/ống	Nhóm 1/ Nhóm 4
53		Salbutamol (sulfat)	2,5mg/2,5ml; 2,5ml	Dung dịch/hỗn dịch khí dung	Hô Hấp	Chai/lọ/ống	Nhóm 4
54		Salbutamol (sulfat)	5mg/2,5ml; 2,5ml	Dung dịch/hỗn dịch khí dung	Hô Hấp	Chai/lọ/ống	Nhóm 4
55		Nicardipin hydroclorid	10mg	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Tiêm	Chai/lọ/ống	Nhóm 1
56		Terbutalin sulfat	0,5mg/ml; 1ml	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Tiêm	Chai/lọ/ống	Nhóm 4
57		Gelatin khan (dưới dạng gelatin biến tính) + NaCl + Magnesi clorid hexahydrat + KCl + Natri lactat (dưới dạng dung dịch Natri (S)-lactat)	15g + 2,691g + 0,1525g + 0,1865g + 1,6800g; 500ml	Thuốc tiêm truyền	Tiêm	Chai/lọ/túi	Nhóm 1
58		Fexofenadin hydroclorid	180mg	Viên	Uống	Viên	Nhóm 1
59		Desloratadin	5mg	Viên	Uống	Viên	Nhóm 1
60		Rupatadin	1mg/ml; 5ml	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Uống	Chai/lọ/ống	Nhóm 4
61		Rupatadin	1mg/ml; 2,5ml	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Uống	Gói	Nhóm 4
62		Promethazin hydroclorid	100mg/4ml; 4ml	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Tiêm	Chai/lọ/ống	hóm 1/ Nhóm
63		Rupatadin	1mg/ml; 120ml	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Uống	Chai/lọ/ống	Nhóm 1
64		Levocetirizin	0,25mg/ml; 10ml	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Uống	Chai/lọ/ống	Nhóm 4

STT	Tên thuốc (dự kiến)	Tên Hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng - Dạng trình bày	Dạng bào chế	Đường dùng	Đơn vị tính	Nhóm TCKT
65		Ebastin	20mg	Viên	Uống	Viên	Nhóm 4
66		Moxifloxacin + Dexamethason phosphat	0,5% + 0,1%; 5ml	Thuốc nhỏ mắt	Nhỏ mắt	Chai/lọ/ống	Nhóm 4
67		Neomycin + Polymyxin B sulfat + Dexamethason	3.500UI/ml + 6.000UI/ml + 0,1%; 5ml	Thuốc nhỏ mắt	Nhỏ mắt	Chai/lọ/ống	Nhóm 1
68		Neomycin + Polymyxin B sulfat + Dexamethason	3.500UI/g + 6.000UI/g + 0,1%; 3,5g	Thuốc tra mắt	Nhỏ mắt	Tuýp	Nhóm 1
69		Dexamethason natri phosphat + Neomycin sulfat	5,5mg + 25mg	Thuốc nhỏ mắt	Nhỏ mắt	Chai/lọ/ống	Nhóm 4
70		Fluorometholon	0,1%; 5ml	Thuốc nhỏ mắt	Nhỏ mắt	Chai/lọ/ống	Nhóm 2
71		Loteprednol etabonat	5mg/ml; 5ml	Thuốc nhỏ mắt	Nhỏ mắt	Chai/lọ/ống	Nhóm 4
72		Prednisolon acetat	1%; 5ml	Thuốc nhỏ mắt	Nhỏ mắt	Chai/lọ/ống	Nhóm 1
73		Prednisolone sodium phosphate	10mg/ml; 5ml	Thuốc nhỏ mắt	Nhỏ mắt	Chai/lọ/ống	Nhóm 1
74		Dexamethason	4mg dạng muối	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Tiêm	Chai/lọ/ống	Nhóm 4
75		Triamcinolon acetonid	80mg/2ml	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Tiêm	Chai/lọ/ống	Nhóm 4
76		Dexamethason	700mcg/implant	Hệ cài đặt vào mắt	Tiêm	Hộp	Nhóm 1
77		Tacrolimus	1mg	Viên	Uống	Viên	Nhóm 4
78		Melphalan	50mg	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Tiêm	Hộp	Nhóm 5
79		Bevacizumab	100mg/4ml; 4ml	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Tiêm	Chai/lọ/ống	Nhóm 1
80		Methotrexat	2,5mg	Viên	Uống	Viên	Nhóm 4
81		Adalimumab	40mg/0,4ml	Thuốc tiêm	Tiêm	Bơm tiêm/Bút tiêm	Nhóm 1
82		Faricimab	6mg/0,05ml	Thuốc tiêm	Tiêm	Chai/lọ/ống	Nhóm 1
83		Glucose	30%; 500ml	Thuốc tiêm truyền	Tiêm	Chai/lọ/túi	Nhóm 4
84		Glucose	5%; 100ml	Thuốc tiêm truyền	Tiêm	Chai/lọ/túi	Nhóm 4
85		Glucose	5%; 500ml	Thuốc tiêm truyền	Tiêm	Chai/lọ/túi	Nhóm 4
86		Ringer lactat	500ml, 1 cổng	Thuốc tiêm truyền	Tiêm	Chai/lọ/túi	Nhóm 4
87		Ringer lactat + Glucose	Ringer lactat + Glucose 5%; 500ml	Thuốc tiêm truyền	Tiêm	Chai/lọ/túi	Nhóm 4
88		Manitol	20%; 250ml	Thuốc tiêm truyền	Tiêm	Chai/lọ/túi	Nhóm 4
89		Natri hydrocarbonat (Natri bicarbonat)	1,4%; 250ml	Thuốc tiêm truyền	Tiêm	Chai/lọ/túi	Nhóm 4
90		Natri clorid	0,9%; 100ml	Thuốc tiêm truyền	Tiêm	Chai/lọ/túi	Nhóm 4
91		Natri clorid	0,9%; 500ml	Thuốc tiêm truyền	Tiêm	Chai/lọ/túi	Nhóm 4
92		Natri clorid	3%; 100ml	Thuốc tiêm truyền	Tiêm	Chai/lọ/túi	Nhóm 4

STT	Tên thuốc (dự kiến)	Tên Hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng - Dạng trình bày	Dạng bào chế	Đường dùng	Đơn vị tính	Nhóm TCKT
93		Nhũ dịch lipid (100ml nhũ tương chứa: dầu đậu nành tinh chế 6g + triglycerid mạch trung bình 6g + dầu oliu tinh chế 5g, dầu cá tinh chế 3g)	20%; 100ml	Thuốc tiêm truyền	Tiêm	Chai/lọ/túi	Nhóm 1
94		Nước cất pha tiêm	1000ml	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Tiêm	Chai/lọ/túi	Nhóm 4
95		Tropicamide + Phenyl-ephrine hydroclorid	0,5% + 0,5%; 10ml	Thuốc nhỏ mắt	Nhỏ mắt	Chai/lọ/ống	Nhóm 1
96		Esomeprazol	20mg	Viên	Uống	Viên	Nhóm 3
97		Fentanyl	0,1mg/2ml; 2ml	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Tiêm	Chai/lọ/ống	Nhóm 1
98		Fentanyl	0,1mg/2ml; 2ml	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Tiêm	Chai/lọ/ống	Nhóm 5
99		Proparacain hydroclorid	0,5%; 15ml	Thuốc nhỏ mắt	Nhỏ mắt	Chai/lọ/ống	Nhóm 1
100		Propofol	1%; 20ml	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Tiêm	Chai/lọ/ống	Nhóm 1
101		Lidocain	10%; 38g	Thuốc xịt ngoài da	Dùng ngoài	Chai/lọ/ống	Nhóm 1
102		Lidocain hydroclorid	2%; 30g	Thuốc dùng ngoài	Dùng ngoài	Tuýp	Nhóm 1
103		Lidocain hydroclorid + Epinephrin (Adrenalin)	(20mg + 10mcg)/ml; 1,8ml	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Tiêm	Chai/lọ/ống	Nhóm 4
104		Sevofluran	250ml	Thuốc gây mê đường hô hấp	Đường hô hấp	Chai/lọ/túi	Nhóm 1
105		Tetracain hydroclorid	0,5%; 10ml	Thuốc nhỏ mắt	Nhỏ mắt	Chai/lọ/ống	Nhóm 4
106		Alpha chymotrypsin	21 microkatal	Viên	Uống	Viên	Nhóm 2
107		Alpha chymotrypsin	42 microkatal	Viên	Uống	Viên	Nhóm 4
108		Diclofenac natri	50mg	Viên bao tan ở ruột	Uống	Viên	Nhóm 1
109		Diclofenac kali	50mg	Viên	Uống	Viên	Nhóm 1
110		Paracetamol (acetaminophen)	150mg	Thuốc đặt hậu môn/trực tràng	Đặt	Viên	Nhóm 1
111		Paracetamol (acetaminophen)	300mg	Thuốc đặt hậu môn/trực tràng	Đặt	Viên	Nhóm 1
112		Paracetamol (Acetaminophen)	80mg	Thuốc đặt hậu môn/trực tràng	Đặt	Viên	Nhóm 1
113		Paracetamol (Acetaminophen)	1g/100ml; 100ml	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Tiêm	Chai/lọ/túi	Nhóm 4
114		Paracetamol (acetaminophen)	1g/100ml; 100ml	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Tiêm	Chai/lọ/túi	Nhóm 1
115		Paracetamol (acetaminophen)	325mg	Viên	Uống	Viên	Nhóm 2
116		Clostridium botulinum toxin Tuýp A	100U	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Tiêm	Chai/lọ/ống	Nhóm 1
117		Clostridium botulinum type A toxin-Haemagglutinin complex	500U	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Tiêm	Chai/lọ/ống	Nhóm 1
118		Pyridostigmin bromid	60mg	Viên nén bao phim	Uống	Viên	Nhóm 2

STT	Tên thuốc (dự kiến)	Tên Hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng - Dạng trình bày	Dạng bào chế	Đường dùng	Đơn vị tính	Nhóm TCKT
119		Rocuronium bromid	50mg/5ml; 5ml	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Tiêm	Chai/lọ/ống	Nhóm 4
120		Suxamethonium clorid	100mg; 2ml	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Tiêm	Chai/lọ/ống	Nhóm 1
121		Neostigmin metylsulfat	0,5mg/ml; 1ml	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Tiêm	Chai/lọ/ống	Nhóm 4
122		Diazepam	5mg	Viên	Uống	Viên	Nhóm 4
123		Diazepam	5mg	Viên	Uống	Viên	Nhóm 1
124		Ephedrin hydroclorid	3mg/1ml; 10ml	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Tiêm	Bơm tiêm/Bút tiêm	Nhóm 1
125		Midazolam	5mg/ml; 1ml	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Tiêm	Chai/lọ/ống	Nhóm 1
126		Midazolam	5mg/ml; 1ml	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Tiêm	Chai/lọ/ống	Nhóm 4
127		Insulin trộn (70/30)	100UI/ml; 3ml	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Tiêm	Bơm tiêm/Bút tiêm	Nhóm 1
128		Aciclovir	250mg	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Tiêm	Chai/lọ/ống	Nhóm 4
129		Aciclovir	400mg	Viên	Uống	Viên	Nhóm 2
130		Aciclovir	400mg	Viên	Uống	Viên	Nhóm 4
131		Aciclovir	200mg	Viên	Uống	Viên	Nhóm 2
132		Aciclovir	3%; 5g	Thuốc tra mắt	Nhỏ mắt	Tuýp	Nhóm 4
133		Aciclovir	3%; 4,5g	Thuốc tra mắt	Nhỏ mắt	Tuýp	Nhóm 1
134		Aciclovir	3%; 3,5g	Thuốc tra mắt	Nhỏ mắt	Tuýp	Nhóm 2
135		Amphotericin B	50mg	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Tiêm	Chai/lọ/ống	Nhóm 5
136		Ganciclovir	500mg	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Tiêm	Chai/lọ/ống	Nhóm 4
137		Itraconazol	100mg	Viên	Uống	Viên	Nhóm 2
138		Itraconazol	100mg	Viên	Uống	Viên	Nhóm 1
139		Natamycin	5%; 5ml	Thuốc nhỏ mắt	Nhỏ mắt	Chai/lọ/ống	Nhóm 4
140		Voriconazol	200mg	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Tiêm	Chai/lọ/ống	Nhóm 4
141		Valganciclovir	450mg	Viên	Uống	Viên	Nhóm 4
142		Levofloxacin	0,5%; 5ml	Thuốc nhỏ mắt	Nhỏ mắt	Chai/lọ/ống	Nhóm 1
143		Levofloxacin	0,5%; 5ml	Thuốc nhỏ mắt	Nhỏ mắt	Chai/lọ/ống	Nhóm 2
144		Levofloxacin hydrat	1,5%; 5ml	Thuốc nhỏ mắt	Nhỏ mắt	Chai/lọ/ống	Nhóm 2
145		Ofloxacin	0,3%; 3,5g	Thuốc tra mắt	Nhỏ mắt	Tuýp	Nhóm 2
146		Neomycin sulfat	0,5%; 5ml	Thuốc nhỏ mắt	Nhỏ mắt	Chai/lọ/ống	Nhóm 4
147		Moxifloxacin	0,5%; 5ml	Thuốc nhỏ mắt	Nhỏ mắt	Chai/lọ/ống	Nhóm 1
148		Tetracyclin (hydroclorid)	1%; 5g	Thuốc tra mắt	Nhỏ mắt	Tuýp	Nhóm 4

STT	Tên thuốc (dự kiến)	Tên Hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng - Dạng trình bày	Dạng bào chế	Đường dùng	Đơn vị tính	Nhóm TCKT
149		Tobramycin	0,3%; 5ml	Thuốc nhỏ mắt	Nhỏ mắt	Chai/lọ/ống	Nhóm 4
150		Cefuroxim	750mg	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Tiêm	Chai/lọ/ống	Nhóm 4
151		Tobramycin	80mg/2ml	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Tiêm	Chai/lọ/ống	Nhóm 4
152		Ofloxacin	200mg	Viên	Uống	Viên	Nhóm 4
153		Ofloxacin	400mg	Viên	Uống	Viên	Nhóm 4
154		Levofloxacin	500mg	Viên	Uống	Viên	Nhóm 3
155		Levofloxacin	500mg	Viên	Uống	Viên	Nhóm 4
156		Levofloxacin	750mg	Viên	Uống	Viên	Nhóm 4
157		Linezolid	600mg	Viên	Uống	Viên	Nhóm 1
158		Cefalexin	250mg	Viên	Uống	Viên	Nhóm 2
159		Cefaclor	125mg	Bột/cốm/hạt pha uống	Uống	Gói	Nhóm 3
160		Azithromycin	250mg	Viên	Uống	Viên	Nhóm 2
161		Sultamicillin	750mg	Viên	Uống	Viên	Nhóm 4
162		Ketorolac tromethamin	0,5%; 5ml	Thuốc nhỏ mắt	Nhỏ mắt	Chai/lọ/ống	Nhóm 1
163		Indomethacin	0,1%; 5ml	Thuốc nhỏ mắt	Nhỏ mắt	Chai/lọ/ống	Nhóm 1
164		Natri clorid	0,9%; 10ml	Thuốc nhỏ mắt	Nhỏ mắt	Chai/lọ/ống	Nhóm 4
165		Natri clorid	0,9%; 12ml	Thuốc nhỏ mắt	Nhỏ mắt	Chai/lọ/ống	Nhóm 4
166		Olopatadin (hydroclorid)	0,1%; 5ml	Thuốc nhỏ mắt	Nhỏ mắt	Chai/lọ/ống	Nhóm 2
167		Olopatadin (hydroclorid)	0,2%; 5ml	Thuốc nhỏ mắt	Nhỏ mắt	Chai/lọ/ống	Nhóm 4
168		Ketotifen	0,5mg/ml; 0,4ml	Thuốc nhỏ mắt	Nhỏ mắt	Chai/lọ/ống	Nhóm 4
169		Atropin sulfat	1%; 0,5ml	Thuốc nhỏ mắt	Nhỏ mắt	Chai/lọ/ống	Nhóm 4
170		Cyanocobalamin	0,2mg/ml; 5ml	Thuốc nhỏ mắt	Nhỏ mắt	Chai/lọ/ống	Nhóm 4
171		Brinzolamid + Timolol	10mg/ml + 5mg/ml; 5ml	Thuốc nhỏ mắt	Nhỏ mắt	Chai/lọ/ống	Nhóm 1
172		Brimonidin tartrat	0,2%; 5ml	Thuốc nhỏ mắt	Nhỏ mắt	Chai/lọ/ống	Nhóm 1
173		Travoprost + Timolol	(40mcg + 5mg)/ml; 2,5ml	Thuốc nhỏ mắt	Nhỏ mắt	Chai/lọ/ống	Nhóm 1
174		Dorzolamid + Timolol	(100mg + 25mg)/5ml	Thuốc nhỏ mắt	Nhỏ mắt	Chai/lọ/ống	Nhóm 5
175		Dorzolamid + Timolol	(4mg + 1mg)/0,2ml	Thuốc nhỏ mắt	Nhỏ mắt	Chai/lọ/ống	Nhóm 5
176		Latanoprost	50mcg/ml; 2,5ml	Thuốc nhỏ mắt	Nhỏ mắt	Chai/lọ/ống	Nhóm 1
177		Pilocarpin	2%; 15ml	Thuốc nhỏ mắt	Nhỏ mắt	Chai/lọ/ống	Nhóm 1
178		Timolol	0,5%; 5ml	Thuốc nhỏ mắt	Nhỏ mắt	Chai/lọ/ống	Nhóm 1
179		Timolol	0,5%; 5ml	Thuốc nhỏ mắt	Nhỏ mắt	Chai/lọ/ống	Nhóm 4
180		Tafluprost + Timolol	(0,015mg+5mg)/ml; 0,3ml	Thuốc nhỏ mắt	Nhỏ mắt	Chai/lọ/ống	Nhóm 5
181		Tafluprost + Timolol	(0,015mg+5mg)/ml; 2,5ml	Thuốc nhỏ mắt	Nhỏ mắt	Chai/lọ/ống	Nhóm 5
182		Travoprost	40mcg/ml; 2,5ml	Thuốc nhỏ mắt	Nhỏ mắt	Chai/lọ/ống	Nhóm 1

STT	Tên thuốc (dự kiến)	Tên Hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng - Dạng trình bày	Dạng bào chế	Đường dùng	Đơn vị tính	Nhóm TCKT
183		Carbomer	0,2%; 10g	Thuốc tra mắt	Nhỏ mắt	Ống/tuýp	Nhóm 1
184		Carbomer	0,2%; 0,6g	Thuốc tra mắt	Nhỏ mắt	Ống/tuýp	Nhóm 4
185		Natri carboxymethylcellulose + Glycerin	0,5% + 0,9%	Thuốc nhỏ mắt	Nhỏ mắt	Chai/lọ/ống	Nhóm 1
186		Natri carboxymethylcellulose (natri CMC)	1%;15ml	Thuốc nhỏ mắt	Nhỏ mắt	Chai/lọ/ống	Nhóm 1
187		Natri carboxymethylcellulose (natri CMC)	0,5%; 15ml	Thuốc nhỏ mắt	Nhỏ mắt	Chai/lọ/ống	Nhóm 1
188		Natri hyaluronat	0,1%; 5ml	Thuốc nhỏ mắt	Nhỏ mắt	Chai/lọ/ống	Nhóm 1
189		Natri hyaluronat	0,1%; 5ml	Thuốc nhỏ mắt	Nhỏ mắt	Chai/lọ/ống	Nhóm 2
190		Natri hyaluronat	0,1%; 0,5ml	Thuốc nhỏ mắt	Nhỏ mắt	Chai/lọ/ống	Nhóm 2
191		Natri hyaluronat	0,1%; 0,88ml	Thuốc nhỏ mắt	Nhỏ mắt	Chai/lọ/ống	Nhóm 2
192		Natri hyaluronat	0,1%; 1ml	Thuốc nhỏ mắt	Nhỏ mắt	Chai/lọ/ống	Nhóm 4
193		Natri hyaluronat	0,15%; 0,5ml	Thuốc nhỏ mắt	Nhỏ mắt	Chai/lọ/ống	Nhóm 2
194		Natri hyaluronat	0,15%; 5ml	Thuốc nhỏ mắt	Nhỏ mắt	Chai/lọ/ống	Nhóm 2
195		Natri hyaluronat	0,15%; 10ml	Thuốc nhỏ mắt	Nhỏ mắt	Chai/lọ/ống	Nhóm 4
196		Natri hyaluronat	0,18%; 0,5ml	Thuốc nhỏ mắt	Nhỏ mắt	Chai/lọ/ống	Nhóm 4
197		Polyethylen glycol + Propylen glycol	0,4% + 0,3%; 5ml	Thuốc nhỏ mắt	Nhỏ mắt	Chai/lọ/ống	Nhóm 1
198		Hydroxypropyl methylcellulose	0,3%; 0,4ml	Thuốc nhỏ mắt	Nhỏ mắt	Chai/lọ/ống	Nhóm 4
199		Hydroxypropyl methylcellulose + Dextran	(3mg+1mg)/ml; 15ml	Thuốc nhỏ mắt	Nhỏ mắt	Chai/lọ/ống	Nhóm 2
200		Piracetam	800mg	Viên	Uống	Viên	Nhóm 4
201		Ginkgo biloba (cao Ginkgo biloba)	40mg	Viên nang	Uống	Viên	Nhóm 2
202		Ginkgo biloba (cao Ginkgo biloba)	60mg	Viên	Uống	Viên	Nhóm 1
203		Ginkgo biloba (cao Ginkgo biloba)	80mg	Viên nang	Uống	Viên	Nhóm 1
204		Ginkgo biloba (cao Ginkgo biloba)	120mg	Viên	Uống	Viên	Nhóm 1
205		Acetyl leucin	500mg; 5ml	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Tiêm	Chai/lọ/ống	Nhóm 4
206		Naphazolin	0,05%; 5ml	Thuốc nhỏ mũi	Nhỏ mũi	Chai/lọ/ống	Nhóm 4
207		Povidon iod	5%; 20ml	Thuốc dùng ngoài	Dùng ngoài	Chai/lọ/ống	Nhóm 4
208		Nefopam hydroclorid	20mg	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Tiêm	Chai/lọ/ống	Nhóm 4
209		Piracetam	12g/60ml	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Tiêm	Chai/lọ/ống	Nhóm 4
210		Mitomycin	0,2mg	Thuốc tiêm/thuốc tiêm truyền	Tiêm	Kit/hộp	Nhóm 5
211		Acetazolamid	250mg	Viên	Uống	Viên	Nhóm 4
212		Diltiazem hydroclorid	60mg	Viên	Uống	Viên	Nhóm 4
213		Isosorbid (dinitrat hoặc mononitrat)	10mg	Viên	Uống	Viên	Nhóm 4

STT	Tên thuốc (dự kiến)	Tên Hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng - Dạng trình bày	Dạng bào chế	Đường dùng	Đơn vị tính	Nhóm TCKT
214		Aescin	40mg	Viên bao tan ở ruột	Uống	Viên	Nhóm 4
215		Glyceryl trinitrat (Nitroglycerin)	0,08g/10g; 10g	Thuốc hít định liều/ phun mù định liều hoặc Dung dịch/hỗn khí dung	Xịt dưới lưỡi	Chai/lọ/ống	Nhóm 1
216		Vitamin A	5.000UI	Viên	Uống	Viên	Nhóm 4
217		Vitamin C	500mg	Viên	Uống	Viên	Nhóm 4
218		Vitamin C	500mg	Viên	Uống	Viên	Nhóm 2
219		Folic acid (Vitamin B9)	5mg	Viên	Uống	Viên	Nhóm 4
220		Kali clorid	600mg	Viên giải phóng có kiểm soát	Uống	Viên	Nhóm 1
221		Kali clorid	500mg	Viên	Uống	Viên	Nhóm 4
222		Vitamin B6 + Magnesi lactat dihydrat	5mg + 470mg	Viên	Uống	Viên	Nhóm 2
223		Vitamin B1 + B6 + B12	100mg + 200mg + 200mcg	Viên	Uống	Viên	Nhóm 2
224		Vitamin E	400UI	Viên	Uống	Viên	Nhóm 4
225		Kẽm (dưới dạng Kẽm gluconat)	10mg; 5ml	Dung dịch/hỗn dịch/nhũ dịch uống	Uống	Chai/lọ/ống	Nhóm 4
226		Kẽm (dưới dạng Kẽm gluconat)	10mg	Viên	Uống	Viên	Nhóm 4
227		Calci carbonat + Vitamin D3	1.250mg + 200UI	Viên	Uống	Viên	Nhóm 4
228		Omega-3-acid ethyl esters	1000mg	Viên	Uống	Viên	Nhóm 4
229		Silymarin	140mg	Viên	Uống	Viên	Nhóm 4
230		Cao Vaccinium myrtillus + Dl-α Tocopheryl acetate	50mg + 50mg	Viên	Uống	Viên	Nhóm 4
231		Cao Anthocyanosidic + Vitamin E (dạng bột)	50mg + 50mg	Viên	Uống	Viên	Nhóm 4
Cộng			**231 khoản**				